

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2022/HS-ST

Ngày 18 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Vinh

Bà Nguyễn Thị Tươi

- Thư ký phiên tòa: bà Tống Thị Huê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Hoàng Tuấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:116/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:124/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình T sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: tổ 5, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình V và bà Phùng Thị S1; có vợ Trương Thị Ngọc A và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: (1) Tại bản án số 17/2013/HSST ngày 27/3/2013 Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt Trần Đình T 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” (2). Tại bản án số 20/2018/ HSST ngày 07/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định xử phạt Trần Đình T 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/02/2019; bị bắt tạm giam ngày 17/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Nguyễn Trọng Đ sinh năm 1987 tại tỉnh Nam Định

Nơi cư trú: thôn 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng M và bà Nguyễn Thị H1; có vợ Cao Thị S2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 17/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- *Bị hại:*

+ Chị Phạm Hồng H2 sinh năm 1985; nơi cư trú: số nhà 15, ngõ 36/67, đường Đ phố 10, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Chị Trần Thị L sinh năm 1990; nơi cư trú: số nhà 12, ngõ 88, đường A, thôn T, xã T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Lương Văn S3 sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

+ Anh Dương Xuân T1 sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 2, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

+ Anh Đặng Văn T2 sinh năm 1982; nơi cư trú: số nhà 15, ngõ 36/67, đường Đ, phố 10, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đình T sinh năm 1995, trú tại tổ 5, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định là bạn bè quen biết xã hội với Nguyễn Trọng Đ sinh năm 1987, trú tại thôn 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nam Định. T và Đ đều không có việc làm ổn định để có tiền tiêu xài cá nhân nên trong ngày 22/5/2022 lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của người dân, T và Đ đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố N. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 22/5/2022, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số 0857.362.268 gọi điện thoại cho Đ rủ sang thành phố N, tỉnh Ninh Bình để trộm cắp tài sản, Đ đồng ý (Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 6A màu xám sim số 0789.148.642 và sim số 0865.191.480). Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, không đeo biển kiểm soát mượn của một người đàn ông tên N, nhà ở thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định đến đón Đ đi sang địa bàn thành phố N. Khi đi vào đường H, phố 6, phường T, thành phố N thì phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 35B2-406.87 của chị Phạm Hồng H2 sinh năm 1985,

trú tại phố 10, phường T, thành phố N hiện đang làm may tại số 66, đường H, phố 6, phường T, thành phố N dựng trên vỉa hè của số nhà 71, đường H. T điều khiển xe đi qua, đến gần ngã tư thì dừng lại cạnh giới còn Đ xuống xe tiến lại gần xe mô tô, dùng vạm phá khóa đã chuẩn bị từ trước mở được khóa cổ của xe nhưng không nổ được máy nên Đ dắt xuống đường, T quay xe lại dùng chân đẩy chiếc xe trên cùng Đ đi sang Nam Định. Khi đi đến khu vực xã Q, huyện Y, tỉnh Nam Định thì dừng lại, T dùng tuavít trong cốp xe Wawe tháo biển kiểm soát của chiếc xe vừa trộm cắp được, lấy giấy tờ và túi nilon trong cốp xe đưa cho Đ cầm, Đ bỏ tất cả giấy tờ và biển kiểm soát vào túi nilon. T đấu dây điện ở ổ khóa, đề nổ được thì để Đ điều khiển chiếc xe này còn T điều khiển xe Honda Dream lên nhà anh Lương Văn S3 sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định để bán xe. Trong quá trình đi Đ đã ném biển số xe và giấy tờ trong túi nilon ở vị trí không xác định được cụ thể. T bán cho anh S3 chiếc xe vừa trộm cắp được với giá 3.500.000 đồng. T và Đ đã chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng còn lại 500.000 đồng cả hai tiêu xài ăn uống chung.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36/KL-HĐĐGTS ngày 08/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố Ninh Bình kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh đen bạc, BKS 35B2-406.87, xe đã qua sử dụng từ năm 2018. Tổng giá trị tài sản là: 10.800.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 22/5/2022 T và Đ tiếp tục rủ nhau sang Ninh Bình đi quanh các tuyến phố tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi đi đến ngõ 88, đường L, thôn T, xã T thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu LEAD, màu vàng đen, biển kiểm soát 35K1-060.69 đang dựng trước số nhà 12 của chị Trần Thị L sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T, thành phố N. T điều khiển xe đi qua vị trí xe khoảng 15 m thì dừng lại đứng cạnh giới còn Đ xuống xe tiến lại gần xe mô tô, dùng vạm phá khóa đã chuẩn bị từ trước để mở khóa cổ xe mô tô. Sau khi mở được khóa cổ xe mô tô, Đ dắt xe xuống đường nhưng không nổ được máy thì T quay lại dùng chân đẩy chiếc xe mô tô trộm cắp đi về Nam Định. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày T và Đ đẩy xe đến nhà anh K ở xã P, huyện Y (anh K đi làm ăn xa nên cho Đ ở nhờ, trông coi nhà anh K). Tại đây T tháo biển số xe cất vào cốp xe rồi đi về, Đ mở cốp xe kiểm tra bên trong cốp xe có 2 chiếc ví da nhỏ bên trong có 1 số giấy tờ tùy thân rồi lấy vát đi. Sáng ngày 23/5/2022 Đ đã dắt chiếc xe trên ra tiệm sửa chữa xe để thay ổ khóa rồi cùng T đi sang xã K, huyện Y, tỉnh Nam Định bán chiếc xe trộm cắp được cho anh Dương Xuân T1 sinh năm 1983, trú tại tổ 12, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định với giá 5.000.000 đồng. Nhưng khi T nói giấy tờ xe bị mất thì anh T1 chỉ trả trước cho T số tiền 3.500.000 đồng, hẹn khi nào mang giấy tờ xe đến thì trả nốt số tiền 1.500.000 đồng. Số tiền trên T và Đ chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, số tiền còn lại 500.000 đồng Đ giữ lại để bù vào số tiền đã thay khóa xe.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL- HĐĐGTS ngày 05/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố Ninh Bình kết luận gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Lead, màu vàng đen, BKS 35K1-060.69 (xe mua năm 2013). Tổng giá trị tài sản là: 9.000.000 đồng .

Ngày 22/5/2022 sau khi bị mất tài sản, chị Phạm Hồng H2 sinh năm 1985, trú tại phố 10, phường T, thành phố N đã lên Công an phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình trình báo. Ngày 10/6/2022 chị Trần Thị L sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T, thành phố N đã đến Công an thành phố Ninh Bình trình báo.

Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát camera an ninh, thu giữ các dữ liệu sau đó ra Quyết định trưng cầu giám định kỹ thuật số và dữ liệu điện tử. Tại bản Kết luận giám định số 558/KLGD-PC09-KTS&ĐT ngày 19/7/2022 kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 tệp tin video lưu trữ trong thẻ nhớ và trong CD-R gửi giám định.

Như vậy, tổng giá trị số tài sản T và Đ trộm cắp được ngày 22/5/2022 là 19.800.000 đồng.

Về vật chứng, tài sản thu giữ:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 6A màu xám bên trong lắp sim 0789.148.642 và sim 0865.191.480; 01 tay công và 02 vạm bằng kim loại thu giữ của Nguyễn Trọng Đ.

- Trả cho bị hại chị Phạm Hồng H2 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh đen bạc, số khung bị đục xóa, xe không có biển kiểm soát (kết luận giám định số khung, số máy nguyên thủy của xe xác định được là số khung: RLHJA3909HY350326; số máy JA39E-0350364) thu giữ của anh Lương Văn S3 sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định; trả cho bị hại chị Trần Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu vàng đen thu giữ của chị Phạm Thị T2 sinh năm 1984, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Nam Định (là người được anh T1 cho mượn xe) và biển kiểm soát 35K1-060.69 thu giữ của anh Dương Xuân T1 sinh năm 1983, trú tại tổ 12, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- Chuyển theo hồ sơ vụ án 02 tệp tin video lưu trữ trong thẻ nhớ và trong CD-R ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp xe mô tô Wave của các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Hai chiếc xe mô tô các bị cáo trộm cắp đều thu hồi được và trả cho bị hại; giấy tờ cá nhân, thẻ ATM và biển số xe không thu hồi được các bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lương Văn S3 không có yêu cầu, đề nghị gì về số tiền 3.500.000 đồng đã mua xe mô tô của bị cáo T; anh Dương Xuân T1 yêu cầu các bị cáo Đ và T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng là tiền anh mua xe của bị cáo T. Các bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên cho anh T1 nhưng chưa bồi thường cho anh T1.

Cáo trạng số 121/CT-VKS ngày 20-10-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố các bị cáo Trần Đình T, Nguyễn Trọng Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Đình T, Nguyễn Trọng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-8-2022; bị cáo Nguyễn Trọng Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-8-2022.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 288, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

+ Buộc bị cáo Trần Đình T và bị cáo Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Dương Xuân T1 số tiền 3.500.000 đồng, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.750.000 đồng.

Bị cáo T đã nộp số tiền 3.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình để bồi thường cho anh T1. Bị cáo T và bị cáo Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền 1.750.000 đồng bị cáo T bồi thường thay cho bị cáo Đ.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 6A màu xám bên trong lắp sim số 0789.148.642 và sim số 0865.191.480;

+ Tịch thu tiêu hủy 01 tay công và 02 vạm bằng kim loại

- Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Đình T, Nguyễn Trọng Đ thừa nhận các tình tiết của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Bị cáo T và Đ cùng khai nhận: Trong ngày 22/5/2022 trên địa bàn thành phố Ninh Bình bị cáo T và bị cáo Đ đã 2 lần cùng nhau lén lút chiếm đoạt tài sản gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu xanh đen bạc bên trong cốp xe có 1 số giấy tờ, thẻ ATM và 01 xe mô tô nhãn hiệu LEAD, màu vàng đen trong cốp xe có 2 ví da nhỏ bên trong 1 số giấy tờ, thẻ ATM. Các bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường số tiền 3.500.000 đồng là tiền mua xe của anh Dương Xuân T1. Bị cáo T đã nộp số tiền 3.500.000 đồng tại Cơ quan thi hành án để bồi thường toàn bộ cho anh T1. Các bị cáo tự thỏa thuận

về số tiền bị cáo T bồi thường thay cho bị cáo Đ là 1.750.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình điều tra bị hại là chị Phạm Hồng H2 và chị Trần Thị L đã khai báo về thời gian, địa điểm và tài sản bị chiếm đoạt như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Chị H2 xác định chị đã được trả lại xe mô tô và làm lại các giấy tờ, biển số xe để sử dụng nên không yêu cầu bồi thường. Chị L xác định chị đã được trả lại xe mô tô, làm lại các giấy tờ để sử dụng, 2 chiếc ví da không có giá trị, số tiền 500.000 đồng không đáng kể nên không yêu cầu bồi thường; chị có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Đ trong đó có lý do bị cáo Đ đã tự nguyện khắc phục, bồi thường tài sản cho chị.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Lương Văn S3 và anh Dương Xuân T1 khai nhận họ mua xe mô tô với số tiền như lời khai của bị cáo và cáo trạng đã nêu. Anh S3 và anh T1 không biết xe đã mua là do các bị cáo T, Đ trộm cắp mà có. Anh S3 không có yêu cầu, đề nghị gì về số tiền 3.500.000 đồng anh mua xe của bị cáo; anh T1 yêu cầu các bị cáo Đ và T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng là tiền anh mua xe của bị cáo T. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đặng Văn T2 (là chồng của chị H2) thừa nhận chiếc xe máy chị H2 bị mất trộm là tài sản chung của vợ chồng anh. Chị H2 đã nhận lại xe và làm lại các giấy tờ, biển số xe để sử dụng nên anh không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ninh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự: các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Trọng Đ khai nhận đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố N như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn

phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản ảnh xác định hiện trường cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ trên đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 22-5-2022 lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, các bị cáo Trần Đình T, Nguyễn Trọng Đ đã hai lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 12 giờ 45 phút tại số nhà 71, đường H, phố 6, phường T, thành phố N, bị cáo T và bị cáo Đ đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wawe, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 35B2-406.87 có giá trị 10.800.000 đồng, trong cốp xe có giấy tờ cá nhân, thẻ ATM của vợ chồng chị Phạm Hồng H2 sinh năm 1985 và anh Đặng Văn T2 sinh năm 1982, trú tại phố 10, phường T, thành phố N (chị H2 là người quản lý, sử dụng chiếc xe này).

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 22/5/2022 tại số nhà 12, ngõ 88, đường L, thôn T, xã T, thành phố N, bị cáo T và bị cáo Đ có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LEAD, màu vàng đen, biển kiểm soát 35K1-060.69 có giá trị 9.000.000 đồng, trong cốp xe có 2 ví da nhỏ và giấy tờ cá nhân, thẻ ATM của chị Trần Thị L sinh năm 1990, trú tại thôn T, xã T, thành phố N.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Trọng Đ phạm tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, tuy nhiên giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên là đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo Đ là người thực hành nên bị cáo T giữ vai trò cao hơn bị cáo Đ.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, Đ đều 02 lần tham gia thực hiện trộm cắp tài sản, 02 lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm

nên cùng phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, Đ đều thành khẩn khai báo và đã tác động gia đình nộp tiền để bồi thường thiệt hại cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo T có ông nội là người có công với cách mạng, được tặng huân chương kháng chiến và bị hại chị Trần Thị L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ. Do đó các bị cáo T, Đ đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo T có nhân thân xấu, đã hai lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó là bài học rút kinh nghiệm mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới.

Sau khi xem xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”. Qua xác minh các bị cáo làm công việc tự do, không xác định được thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ninh Bình đã trả 2 chiếc xe mô tô mà bị cáo T, Đ trộm cắp cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 6A màu xám lắp sim số 0789.148.642 và sim số 0865.191.480 thu giữ của bị cáo Đ do liên quan đến hành vi phạm tội cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước; 01 tay công và 02 văm bằng kim loại là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Lưu hồ sơ vụ án 02 tệp tin video lưu trữ trong thẻ nhớ và trong CD-R ghi lại hình ảnh liên quan đến hành vi trộm cắp xe mô tô Wave của các bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: 2 chiếc xe mô tô các bị cáo trộm cắp đã thu hồi và trả lại cho bị hại là chị L, chị H2; chị L, chị H2 và anh T2 không có yêu cầu, đề nghị. Anh S3 không có yêu cầu, đề nghị gì về số tiền 3.500.000 đồng đã mua xe của bị cáo T. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Trong quá trình điều tra, anh T1 yêu cầu các bị cáo Đ và T bồi thường số tiền 3.500.000 đồng là tiền anh mua xe của bị cáo T. Bị cáo T và Đ nhất trí bồi thường số tiền trên cho anh T1 nhưng chưa bồi thường. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo T và Đ

phải liên đới bồi thường cho anh T1 số tiền 3.500.000 đồng, chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.750.000 đồng.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo T đã tác động gia đình nộp số tiền 3.500.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình để bồi thường toàn bộ cho anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa các bị cáo T và Đ tự thỏa thuận về số tiền 1.750.000 đồng bị cáo T bồi thường thay cho bị cáo Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó xác nhận bị cáo T đã nộp số tiền 3.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh T1; trong đó bị cáo T bồi thường số tiền thuộc trách nhiệm bồi thường của bị cáo T là 1.750.000 đồng, bồi thường thay cho bị cáo Đ số tiền thuộc trách nhiệm bồi thường của bị cáo Đ là 1.750.000 đồng.

[5] Về các vấn đề khác:

- Đối với 01 giấy đăng ký xe mang tên Đặng Văn T2; 01 thẻ ngân hàng Techcombank và 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Phạm Hồng H2 và chiếc biển kiểm soát 35B2-406.87 mà T và Đ đã vất đi không thu hồi được, chị H2 đã làm lại giấy tờ để sử dụng và chị H2, anh T2 không có yêu cầu đề nghị. Đối chiếc ví màu xanh, trong ví có đăng ký xe, bằng lái xe, bảo hiểm xe mang tên Trần Thị L và chiếc túi màu nâu trong túi có Căn cước công dân, thẻ ngân hàng Vietinbank đều mang tên Trần Thị L. Những tài sản trên không thu hồi được, chị L đã làm lại giấy tờ để sử dụng, chiếc ví màu xanh và túi màu nâu chị L đã mua từ lâu không có giá trị nên chị L không yêu cầu gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với số tiền khoảng 500.000 đồng chị L khai để trong chiếc túi màu nâu quá trình điều tra Đ và T không thừa nhận chiếm đoạt số tiền trên, vì vậy không có căn cứ để xử lý Đ và T.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, lắp sim số 0857.362.268 T sử dụng gọi điện thoại cho Đ rủ sang thành phố N, tỉnh Ninh Bình để trộm cắp tài sản. Bị cáo T đã đánh mất điện thoại và làm hỏng sim trên nên không thu hồi được.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, không đeo biển kiểm soát là xe T mượn của một người đàn ông tên N nhà ở thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định để đi trộm cắp tài sản sau đó đã trả lại trong tối ngày 22/5/2022. Quá trình điều tra xác minh tại thị trấn G, huyện V, tỉnh Nam Định không có ai tên N quen biết với T và cho T mượn xe. Do vậy, không đủ căn cứ xác minh thu hồi chiếc trên.

- Trong vụ án này còn có anh Lương Văn S3 và anh Dương Xuân T1 là người mua 02 xe mô tô của các bị cáo trộm cắp. Anh S3 và anh T1 không biết 02 chiếc mô tô họ mua là do Đ và T trộm cắp mà có. Do đó cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của anh S3 và anh T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo T, Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T đã tự nguyện nộp 3.500.000 đồng để bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh T1 trước khi mở phiên tòa nên các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền này;

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự .

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 288, 584, 585, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Đình T, Nguyễn Trọng Đ phạm tội “trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Đình T 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-8-2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 17-8-2022.

3. Trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Đình T và bị cáo Nguyễn Trọng Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Dương Xuân T1 số tiền 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*), chia theo phần mỗi bị cáo phải bồi thường 1.750.000 đồng (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Xác nhận bị cáo Trần Đình T đã bồi thường toàn bộ cho anh Dương Xuân T1 số tiền 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000904 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; trong đó bị cáo T bồi thường số tiền thuộc trách nhiệm bồi thường của bị cáo T là 1.750.000 đồng (*một triệu bảy trăm năm mươi*

ngàn đồng) và bồi thường thay cho bị cáo Đ số tiền thuộc trách nhiệm bồi thường của bị cáo Đ là 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Readmi 6A màu xám, số IEMI 1: 866381049813220, số IEMI 2: 866381049813238 bên trong lắp sim số 0789.148.642 và sim số 0865.191.480;

- Tịch thu tiêu hủy 01 tay công bằng kim loại bên trên ghi chữ C-Mart F0283-1/4; 01 vạm bằng kim loại bên trên ghi chữ YTB-GERMANY; 01 vạm bằng kim loại bên trên ghi chữ GERMANY CHROME VANADIUM;

(Vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27-10-2022 giữa Công an thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình).

5. Án phí: bị cáo Trần Đình T nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn Trọng Đ nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18-11-2022); bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THA DS thành phố Ninh Bình;
- Cơ quan điều tra và Cơ quan THAHS Công an thành phố Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Phương